

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành,  
thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước  
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường  
tỉnh Hòa Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-BTNMT ngày 15/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 215/TTr-STNMT ngày 05/5/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành (02 thủ tục); thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (01 thủ tục) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình.

*(Có danh mục chi tiết kèm theo)*

Phụ lục Danh mục và nội dung cụ thể của TTHC tại Quyết định này được công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: [csdl.dichvucong.gov.vn](http://csdl.dichvucong.gov.vn)); Cổng Dịch vụ công của tỉnh (địa chỉ: [dichvucong.hoabinh.gov.vn](http://dichvucong.hoabinh.gov.vn)), Trang Thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (địa chỉ: <http://vpubnd.hoabinh.gov.vn>); Trang Thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường (địa chỉ: <http://tnmthoabinh.gov.vn>)

**Điều 3.** Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh kể từ ngày ký.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan liên quan, căn cứ thủ tục hành chính tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Thời gian trước ngày 15/5/2021.

+ Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan có liên quan đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của từng TTHC được công bố tại Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở, Ngành liên quan và niêm yết, công khai TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để
- Trung tâm TH&CB tỉnh (đăng tải;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Ng.03b)



**CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Khánh**

**Phụ lục**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ**  
**MÔI TRƯỜNG TỈNH HÒA BÌNH**

*(kèm theo Quyết định số: 934 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. TTHC BAN HÀNH MỚI CẤP TỈNH**

STT	Tên TTHC/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành. 1.009669.000.00.00.H28	<b>20 ngày làm việc, gồm:</b> <i>(Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ:</i> Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày công trình bắt đầu vận hành. <i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt và trả kết quả giải quyết:</i> không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ. <i>- Thời hạn trả kết quả:</i> Chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản	Chủ giấy phép nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Kinh phí chi cho hoạt động thẩm định được lấy từ nguồn thu phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác sử dụng tài nguyên nước	- Luật tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị định số 41/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày

		<p>phê duyệt, thông báo tiền cấp quyền, Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước ra thông báo nộp tiền (<i>Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP</i>) gửi tổ chức, cá nhân nộp tiền cấp quyền).</p>			<p>17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</li> </ul>
2	<p>Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành 2.001770.000.00.00.H28</p>	<p><b>45 ngày làm việc, bao gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> trong thời hạn 10 ngày làm việc (nằm trong thời hạn kiểm tra hồ sơ cấp giấy phép về tài nguyên nước), kể từ ngày nhận hồ sơ cấp giấy phép về tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</li> <li>- <i>Thời hạn thẩm định, phê duyệt hồ sơ và trả kết quả:</i> trong thời hạn 30 ngày làm</li> </ul>	<p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đồng thời với việc nộp hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Sở Tài</p>	<p>Không quy định</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật tài nguyên nước năm 2012.</li> <li>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.</li> <li>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước</li> <li>- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày</li> </ul>

		<p>việc (nằm trong thời hạn thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ.</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>Chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt, thông báo tiền cấp quyền, Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước ra thông báo nộp tiền (<i>Phụ lục IV kèm theo Nghị định số</i></p>	<p>nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p>		<p>30/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p>
--	--	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		41/2021/NĐ-CP) gửi tổ chức, cá nhân nộp tiền cấp quyền			
--	--	--------------------------------------------------------	--	--	--

## B. TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH

(sửa đổi, bổ sung 01 TTHC cấp tỉnh lĩnh vực Tài nguyên nước công bố tại Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố TTHC chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình).

STT	Tên TTHC/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước 1.004283.000.00.00.H28	15 ngày làm việc	- Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 41/2021/NĐ-CP): chủ giấy phép nộp bản kê khai tính tiền cấp quyền đồng thời với việc nộp hồ	không quy định.	- Luật tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ

			<p>sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép về tài nguyên nước tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Đối với các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 41/2017/NĐ-CP):</p> <p>chủ giấy phép gửi văn bản đề nghị điều chỉnh kèm theo các tài liệu để chứng minh đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>		<p>phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p>
--	--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------

## **Phần II.**

### **NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

---

#### **A. TTHC BAN HÀNH MỚI CẤP TỈNH**

##### **1. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành**

###### **1. Trình tự thực hiện:**

*- Bước 1: Nộp hồ sơ:*

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày công trình bắt đầu vận hành, chủ giấy phép phải nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Chủ giấy phép nộp 02 bộ hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương qua dịch vụ bưu chính, nộp qua dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp trực tiếp đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

*- Bước 2: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ:*

+ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ kèm theo văn bản giải thích rõ lý do.

+ Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền, nếu cần thiết thì thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Kinh phí chi cho hoạt động thẩm định được lấy từ nguồn thu phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác sử dụng tài nguyên nước.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho chủ giấy phép và thông báo rõ lý do; trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện thì Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho chủ giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp công trình đã được phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước mà chỉ có sự thay đổi tên chủ giấy phép (cấp lại) và không có sự thay đổi các căn cứ tính tiền cấp quyền theo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền đã phê duyệt trước đó thì không phải điều chỉnh lại Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền. Trong nội dung giấy phép cấp lại phải quy định rõ việc chủ giấy phép mới phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính, trong đó có tiền cấp



quyền khai thác tài nguyên nước đã được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền trước đó.

- *Bước 3: Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:*

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- *Bước 4: Trả kết quả:*

Sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

## **2. Cách thức thực hiện:**

- *Nộp hồ sơ:* Chủ giấy phép nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

## **3. Thành phần hồ sơ:**

- *Bản chính:* Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Phụ lục III kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP) với các nội dung chủ yếu sau: Chất lượng nguồn nước; loại nguồn nước, điều kiện khai thác, quy mô khai thác, thời gian khai thác, thời gian tính tiền, sản lượng khai thác cho từng mục đích sử dụng, giá tính tiền, mức thu tiền cho từng mục đích sử dụng; tính tiền cho từng mục đích sử dụng, tổng tiền cấp quyền khai thác, phương án nộp tiền cấp quyền khai thác và kèm theo các tài liệu để chứng minh.

- *Bản sao:* Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

**4. Số lượng hồ sơ:** 02 bộ.

**5. Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc, trong đó:

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt và trả kết quả giải quyết:* không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ.

Sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông

báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt, thông báo tiền cấp quyền, Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước ra thông báo nộp tiền (*Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP*) gửi tổ chức, cá nhân nộp tiền cấp quyền.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức, cá nhân là chủ giấy phép.

**7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

**9. Phí, lệ phí:**

Kinh phí chi cho hoạt động thẩm định được lấy từ nguồn thu phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác sử dụng tài nguyên nước.

**10. Tên mẫu kê khai, mẫu quyết định của thủ tục hành chính:**

- Mẫu kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (*Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP*).
- Mẫu quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (*Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP*).

**11. Yêu cầu, điều kiện:** không quy định.

**12. Căn cứ pháp lý:**

- Luật tài nguyên nước năm 2012.
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.
- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
- Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**Phụ lục III**  
**MẪU KÊ KHAI TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC**  
**TÀI NGUYÊN NƯỚC**  
*(Được ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP*  
*ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)*

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**  
**TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**  
**(Kê khai lần đầu hoặc kê khai điều chỉnh)**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường  
*(hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)*

**I. CÁC THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên tổ chức, cá nhân kê khai: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: .....; Fax: .....
4. Người đại diện theo pháp luật: .....
5. Chức vụ: .....
6. Mã số thuế: .....
7. Tên công trình khai thác: .....
8. Vị trí, địa chỉ của công trình khai thác nước: .....
9. Thời gian công trình bắt đầu hoặc dự kiến vận hành: .....

Trường hợp công trình đã được cấp phép thì kê khai thêm các nội dung cơ bản của giấy phép có liên quan đến việc tính tiền.

Trường hợp điều chỉnh thì kê khai thêm các nội dung có liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác.

**II. THUYẾT MINH CÁC CĂN CỨ VÀ TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

1. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích thủy điện:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác, gồm:

- Điện lượng trung bình hằng năm.

- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép...) và xác định thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước...

- Giá để tính tiền cấp quyền khai thác cho sản xuất thủy điện.

b) Tính tiền:

Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác theo công thức quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này.

2. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích khác:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác:

- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép...) và xác định thời gian tính quyền khai thác tài nguyên nước....

- Loại nguồn nước khai thác, chất lượng nguồn nước khai thác, điều kiện khai thác.

- Các mục đích khai thác, sử dụng nước của công trình; các mục đích khai thác nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác.

- Tổng lưu lượng khai thác lớn nhất của công trình theo giấy phép (hoặc lưu lượng khai thác lớn nhất đề nghị cấp phép), chế độ khai thác trong năm của công trình.

- Tính toán xác định tổng sản lượng khai thác của công trình; xác định phần sản lượng không phải nộp tiền, phần sản lượng phải nộp tiền.

- Tính toán, xác định sản lượng khai thác theo từng mục đích sử dụng phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này.

- Xác định các hệ số điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

- Xác định mức thu đối với từng mục đích khai thác, sử dụng phải nộp tiền.

- Xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng phải nộp tiền kèm theo các văn bản quy định về giá tính thuế tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình khai thác.

b) Tính tiền

- Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng nước phải nộp tiền cấp quyền.

- Tổng hợp kết quả tính toán và xác định tổng số tiền cấp quyền khai thác phải nộp.

(Đối với trường hợp điều chỉnh thì thuyết minh, tính toán, xác định rõ những nội dung điều chỉnh).

.....

### **III. PHƯƠNG ÁN NỘP TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

1. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp: ..... (VNĐ), trong đó được phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên: .....

- Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo: .....

- Số tiền phải nộp năm cuối cùng: .....

- .....

2. Phương án nộp tiền hằng năm

Một lần/năm

Hai lần/năm

Một lần cho cả thời gian phê duyệt

Số tiền phải nộp mỗi lần theo phương án nộp tiền: .....(VNĐ).

*(Tên của tổ chức, cá nhân kê khai)* cam đoan mọi thông tin, số liệu trong Bản kê khai này và giấy tờ tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KÊ KHAI**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Phụ lục V**  
**MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT TIỀN CẤP QUYỀN**  
**KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**  
*(Được ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP*  
*ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)*

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI**  
**TRƯỜNG/**  
**UBND TỈNH ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:           /

....., ngày..... tháng..... năm....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt (hoặc điều chỉnh) tiền cấp quyền khai thác**  
**tài nguyên nước của (tên chủ giấy phép), khai thác**  
**nguồn (nước mặt/ nước dưới đất) công trình.....**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**  
**TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định .... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường... (trường hợp cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước là Bộ Tài nguyên và Môi trường)/Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân..... (trường hợp cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước là UBND cấp tỉnh);*

*Căn cứ Nghị định số ..... ngày .....tháng .... năm ... của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước.....*

*Căn cứ .....*

*Căn cứ Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (hoặc văn bản đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác) của (tên chủ giấy phép) và hồ sơ kèm theo....;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt (hoặc điều chỉnh) tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của (tên chủ giấy phép địa chỉ, mã số thuế) theo Giấy phép khai thác, sử dụng (nước mặt/nước dưới đất) số.... (số giấy phép), ngày... tháng... năm... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp/các giấy phép khai thác, sử dụng (nước mặt/nước dưới đất), với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: .....
2. Mục đích sử dụng nước của công trình:.....
3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền:.....
4. Giá tính tiền cấp quyền cho từng mục đích sử dụng: .....
5. Tổng số ngày khai thác phải nộp tiền: .....
6. Tổng số tiền phải nộp:.... (ghi bằng chữ): .....
- Số tiền phải nộp cho từng mục đích:.....
- Số tiền phải nộp theo năm:.....
- +Số tiền phải nộp năm đầu (từ ngày ... đến ngày...) là:.....
- + Số tiền phải nộp hằng năm của các năm tiếp theo là:.....
- + Số tiền phải nộp năm cuối là (từ ngày ... đến ngày...) là:.....
- .....
7. Phương án nộp tiền: .....
8. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền thực hiện theo Thông báo của Cục thuế.....
9. Các nội dung quy định khác (nếu cần):.....

**Điều 2.** Quy định cụ thể trách nhiệm của Cục Thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước.....; quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc nộp, báo cáo.....

**Điều 3.** Quy định về thời điểm hiệu lực và trách nhiệm thi hành của các cơ quan, chủ giấy phép và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành Quyết định.

**Nơi nhận:**

- (Tên chủ giấy phép);
- Cơ quan trình;
- Cục thuế tỉnh/thành phố nơi có công trình khai thác tài nguyên nước;
- .....;
- Lưu: VT, VP,... cơ quan trình.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT/  
TM. CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**  
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

## **2. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành**

### ***a) Trình tự thực hiện:***

*- Bước 1: Nộp hồ sơ:*

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đồng thời với việc nộp hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

*- Bước 2: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ:*

Việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện đồng thời với việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước.

*- Bước 3: Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:*

Khi trình hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự thảo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP.

*- Bước 4: Thông báo kết quả:*

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

### ***b) Cách thức thực hiện:***

*- Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.

*- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

### ***c) Thành phần hồ sơ:***

Bản chính: Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (*Phụ lục III kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP*) với các nội dung chủ yếu sau: Chất lượng nguồn nước; loại nguồn nước, điều kiện khai thác, quy mô khai thác, thời gian khai thác, thời gian tính tiền, sản lượng khai thác cho từng



mục đích sử dụng, giá tính tiền, mức thu tiền cho từng mục đích sử dụng; tính tiền cho từng mục đích sử dụng, tổng tiền cấp quyền khai thác, phương án nộp tiền cấp quyền khai thác và kèm theo các tài liệu để chứng minh.

**d) Số lượng hồ sơ:** 02 bộ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** 45 ngày làm việc (trong thời hạn thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước), trong đó:

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* trong thời hạn 10 ngày làm việc (nằm trong thời hạn kiểm tra hồ sơ cấp giấy phép về tài nguyên nước), kể từ ngày nhận hồ sơ cấp giấy phép về tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- *Thời hạn thẩm định, phê duyệt hồ sơ và trả kết quả:* trong thời hạn 30 ngày làm việc (nằm trong thời hạn thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt, thông báo tiền cấp quyền, Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước ra thông báo nộp tiền (*Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP*) gửi tổ chức, cá nhân nộp tiền cấp quyền.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức, cá nhân là chủ giấy phép.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

**i) Phí, lệ phí:** không quy định.

**k) Tên mẫu kê khai, mẫu quyết định của thủ tục hành chính**

- Mẫu kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (*Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP*).

- Mẫu quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước  
(Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP).

**l) Yêu cầu, điều kiện:** không quy định.

**m) Căn cứ pháp lý:**

- Luật tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**Phụ lục III**  
**MẪU KÊ KHAI TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC**  
**TÀI NGUYÊN NƯỚC**  
*(Được ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP*  
*ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)*

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**  
**TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**  
**(Kê khai lần đầu hoặc kê khai điều chỉnh)**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường  
*(hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)*

**I. CÁC THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên tổ chức, cá nhân kê khai: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: .....; Fax: .....
4. Người đại diện theo pháp luật: .....
5. Chức vụ: .....
6. Mã số thuế: .....
7. Tên công trình khai thác: .....
8. Vị trí, địa chỉ của công trình khai thác nước: .....
9. Thời gian công trình bắt đầu hoặc dự kiến vận hành: .....

Trường hợp công trình đã được cấp phép thì kê khai thêm các nội dung cơ bản của giấy phép có liên quan đến việc tính tiền.

Trường hợp điều chỉnh thì kê khai thêm các nội dung có liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác.

**II. THUYẾT MINH CÁC CĂN CỨ VÀ TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

1. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích thủy điện:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác, gồm:

- Điện lượng trung bình hằng năm.

- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép...) và xác định thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước...

- Giá để tính tiền cấp quyền khai thác cho sản xuất thủy điện.

b) Tính tiền:

Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác theo công thức quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này.

2. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích khác:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác:

- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép...) và xác định thời gian tính quyền khai thác tài nguyên nước....

- Loại nguồn nước khai thác, chất lượng nguồn nước khai thác, điều kiện khai thác.

- Các mục đích khai thác, sử dụng nước của công trình; các mục đích khai thác nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác.

- Tổng lưu lượng khai thác lớn nhất của công trình theo giấy phép (hoặc lưu lượng khai thác lớn nhất đề nghị cấp phép), chế độ khai thác trong năm của công trình.

- Tính toán xác định tổng sản lượng khai thác của công trình; xác định phần sản lượng không phải nộp tiền, phần sản lượng phải nộp tiền.

- Tính toán, xác định sản lượng khai thác theo từng mục đích sử dụng phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này.

- Xác định các hệ số điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

- Xác định mức thu đối với từng mục đích khai thác, sử dụng phải nộp tiền.

- Xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng phải nộp tiền kèm theo các văn bản quy định về giá tính thuế tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình khai thác.

b) Tính tiền

- Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng nước phải nộp tiền cấp quyền.

- Tổng hợp kết quả tính toán và xác định tổng số tiền cấp quyền khai thác phải nộp.

(Đối với trường hợp điều chỉnh thì thuyết minh, tính toán, xác định rõ những nội dung điều chỉnh).

.....

### **III. PHƯƠNG ÁN NỘP TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

1. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp: ..... (VNĐ), trong đó được phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên: .....

- Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo: .....

- Số tiền phải nộp năm cuối cùng: .....

- .....

2. Phương án nộp tiền hằng năm

Một lần/năm

Hai lần/năm

Một lần cho cả thời gian phê duyệt

Số tiền phải nộp mỗi lần theo phương án nộp tiền: .....(VNĐ).

*(Tên của tổ chức, cá nhân kê khai)* cam đoan mọi thông tin, số liệu trong Bản kê khai này và giấy tờ tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KÊ KHAI**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Phụ lục V**  
**MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT TIỀN CẤP QUYỀN**  
**KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**  
*(Được ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP*  
*ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)*

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI**  
**TRƯỜNG/**  
**UBND TỈNH ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt (hoặc điều chỉnh) tiền cấp quyền khai thác**  
**tài nguyên nước của (tên chủ giấy phép), khai thác**  
**nguồn (nước mặt/ nước dưới đất) công trình.....**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**  
**TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định .... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường... (trường hợp cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước là Bộ Tài nguyên và Môi trường)/Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân..... (trường hợp cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước là UBND cấp tỉnh);*

*Căn cứ Nghị định số ..... ngày .....tháng .... năm ... của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước.....*

*Căn cứ .....*

*Căn cứ Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (hoặc văn bản đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác) của (tên chủ giấy phép) và hồ sơ kèm theo....;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt (hoặc điều chỉnh) tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của (tên chủ giấy phép địa chỉ, mã số thuế) theo Giấy phép khai thác, sử dụng (nước mặt/nước dưới đất) số.... (số giấy phép), ngày... tháng... năm... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp/các giấy phép khai thác, sử dụng (nước mặt/nước dưới đất), với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: .....
2. Mục đích sử dụng nước của công trình:.....
3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền:.....
4. Giá tính tiền cấp quyền cho từng mục đích sử dụng: .....
5. Tổng số ngày khai thác phải nộp tiền: .....
6. Tổng số tiền phải nộp:.... (ghi bằng chữ): .....
- Số tiền phải nộp cho từng mục đích:.....
- Số tiền phải nộp theo năm:.....
- +Số tiền phải nộp năm đầu (từ ngày ... đến ngày...) là:.....
- + Số tiền phải nộp hằng năm của các năm tiếp theo là:.....
- + Số tiền phải nộp năm cuối là (từ ngày ... đến ngày...) là:.....
- .....
7. Phương án nộp tiền: .....
8. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền thực hiện theo Thông báo của Cục thuế.....
9. Các nội dung quy định khác (nếu cần):.....

**Điều 2.** Quy định cụ thể trách nhiệm của Cục Thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước.....; quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc nộp, báo cáo.....

**Điều 3.** Quy định về thời điểm hiệu lực và trách nhiệm thi hành của các cơ quan, chủ giấy phép và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành Quyết định.

**Nơi nhận:**

- (Tên chủ giấy phép);
- Cơ quan trình;
- Cục thuế tỉnh/thành phố nơi có công trình khai thác tài nguyên nước;
- .....;
- Lưu: VT, VP,... cơ quan trình.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT/  
TM. CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**  
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH**

### **1. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước**

#### ***a) Trình tự thực hiện:***

*- Bước 1: Nộp hồ sơ:*

+ Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 41/2021/NĐ-CP*): chủ giấy phép nộp bản kê khai tính tiền cấp quyền đồng thời với việc nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép về tài nguyên nước tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.

+ Đối với các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 41/2017/NĐ-CP*): chủ giấy phép gửi văn bản đề nghị điều chỉnh kèm theo các tài liệu để chứng minh đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.

*- Bước 2: Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:*

+ Đối với bản kê khai tính tiền cấp quyền: việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép về tài nguyên nước.

+ Đối với văn bản đề nghị điều chỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ.

Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 41/2017/NĐ-CP*): Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường (đối với công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) về thời gian công trình phải ngừng khai thác.

*- Bước 3: Phê duyệt quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:*

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

*- Bước 4: Thông báo kết quả:*

Được thực hiện đồng thời với việc trả giấy phép điều chỉnh.

#### ***b) Cách thức thực hiện:***



- *Nộp hồ sơ*: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính*: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo kèm theo quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính: Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (*Phụ lục III kèm theo Nghị định số 41/2017/NĐ-CP*).

- Bản chính: Văn bản đề nghị điều chỉnh kèm theo các tài liệu để chứng minh.

**d) Số lượng hồ sơ**: 02 bộ (theo hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép).

**đ) Thời hạn giải quyết**: 15 ngày làm việc:

Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh; trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ thì Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho chủ giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện; thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và thời gian lấy ý kiến xác nhận về thời gian công trình ngừng khai thác không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức, cá nhân là chủ giấy phép.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

**i) Phí, lệ phí**: không quy định.

**k) Tên mẫu kê khai, mẫu quyết định của thủ tục hành chính:**

- Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (*Phụ lục III kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP*).

- Mẫu quyết định phê duyệt/điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (*Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP*).

**l) Yêu cầu, điều kiện**: không

**m) Căn cứ pháp lý**

- Luật tài nguyên nước năm 2012.
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.
- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
- Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**Phụ lục III**  
**MẪU KÊ KHAI TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC**  
**TÀI NGUYÊN NƯỚC**  
*(Được ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP*  
*ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)*

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**  
**TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**  
**(Kê khai lần đầu hoặc kê khai điều chỉnh)**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường  
*(hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)*

**I. CÁC THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên tổ chức, cá nhân kê khai: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: .....; Fax: .....
4. Người đại diện theo pháp luật: .....
5. Chức vụ: .....
6. Mã số thuế: .....
7. Tên công trình khai thác: .....
8. Vị trí, địa chỉ của công trình khai thác nước: .....
9. Thời gian công trình bắt đầu hoặc dự kiến vận hành: .....

Trường hợp công trình đã được cấp phép thì kê khai thêm các nội dung cơ bản của giấy phép có liên quan đến việc tính tiền.

Trường hợp điều chỉnh thì kê khai thêm các nội dung có liên quan đến việc đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác.

**II. THUYẾT MINH CÁC CĂN CỨ VÀ TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

1. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích thủy điện:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác, gồm:

- Điện lượng trung bình hằng năm.

- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép...) và xác định thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước...

- Giá để tính tiền cấp quyền khai thác cho sản xuất thủy điện.

b) Tính tiền:

Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác theo công thức quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị định này.

2. Đối với trường hợp khai thác nước cho mục đích khác:

a) Thuyết minh và kèm theo các tài liệu để chứng minh (nếu có) về các căn cứ để xác định tiền cấp quyền khai thác:

- Thời gian bắt đầu vận hành hoặc thời gian dự kiến vận hành công trình, thời gian đề nghị cấp phép (hoặc thời gian hiệu lực của giấy phép...) và xác định thời gian tính tiền khai thác tài nguyên nước....

- Loại nguồn nước khai thác, chất lượng nguồn nước khai thác, điều kiện khai thác.

- Các mục đích khai thác, sử dụng nước của công trình; các mục đích khai thác nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác.

- Tổng lưu lượng khai thác lớn nhất của công trình theo giấy phép (hoặc lưu lượng khai thác lớn nhất đề nghị cấp phép), chế độ khai thác trong năm của công trình.

- Tính toán xác định tổng sản lượng khai thác của công trình; xác định phần sản lượng không phải nộp tiền, phần sản lượng phải nộp tiền.

- Tính toán, xác định sản lượng khai thác theo từng mục đích sử dụng phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này.

- Xác định các hệ số điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

- Xác định mức thu đối với từng mục đích khai thác, sử dụng phải nộp tiền.

- Xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng phải nộp tiền kèm theo các văn bản quy định về giá tính thuế tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công trình khai thác.

b) Tính tiền

- Tính toán, xác định tiền cấp quyền khai thác cho từng mục đích sử dụng nước phải nộp tiền cấp quyền.

- Tổng hợp kết quả tính toán và xác định tổng số tiền cấp quyền khai thác phải nộp.

(Đối với trường hợp điều chỉnh thì thuyết minh, tính toán, xác định rõ những nội dung điều chỉnh).

-.....

### **III. PHƯƠNG ÁN NỘP TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

1. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp: ..... (VNĐ), trong đó được phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên: .....

- Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo: .....

- Số tiền phải nộp năm cuối cùng: .....

- .....

2. Phương án nộp tiền hằng năm

Một lần/năm

Hai lần/năm

Một lần cho cả thời gian phê duyệt

Số tiền phải nộp mỗi lần theo phương án nộp tiền: .....(VNĐ).

*(Tên của tổ chức, cá nhân kê khai)* cam đoan mọi thông tin, số liệu trong Bản kê khai này và giấy tờ tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KÊ KHAI**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Phụ lục V**  
**MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT TIỀN CẤP QUYỀN**  
**KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**  
*(Được ban hành kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP*  
*ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)*

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI**  
**TRƯỜNG/**  
**UBND TỈNH ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:           /

....., ngày..... tháng..... năm....

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt (hoặc điều chỉnh) tiền cấp quyền khai thác**  
**tài nguyên nước của (tên chủ giấy phép), khai thác**  
**nguồn (nước mặt/ nước dưới đất) công trình.....**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**  
**TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định .... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường... (trường hợp cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước là Bộ Tài nguyên và Môi trường)/Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân..... (trường hợp cơ quan phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước là UBND cấp tỉnh);*

*Căn cứ Nghị định số ..... ngày .....tháng .... năm ... của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước.....*

*Căn cứ .....*

*Căn cứ Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (hoặc văn bản đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác) của (tên chủ giấy phép) và hồ sơ kèm theo....;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt (hoặc điều chỉnh) tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của (tên chủ giấy phép địa chỉ, mã số thuế) theo Giấy phép khai thác, sử dụng (nước mặt/nước dưới đất) số.... (số giấy phép), ngày... tháng... năm... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp/các giấy phép khai thác, sử dụng (nước mặt/nước dưới đất), với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: .....
2. Mục đích sử dụng nước của công trình:.....
3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền:.....
4. Giá tính tiền cấp quyền cho từng mục đích sử dụng: .....
5. Tổng số ngày khai thác phải nộp tiền: .....
6. Tổng số tiền phải nộp:.... (ghi bằng chữ): .....
- Số tiền phải nộp cho từng mục đích:.....
- Số tiền phải nộp theo năm:.....
- +Số tiền phải nộp năm đầu (từ ngày ... đến ngày...) là:.....
- + Số tiền phải nộp hằng năm của các năm tiếp theo là:.....
- + Số tiền phải nộp năm cuối là (từ ngày ... đến ngày...) là:.....
- .....
7. Phương án nộp tiền: .....
8. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền thực hiện theo Thông báo của Cục thuế.....
9. Các nội dung quy định khác (nếu cần):.....

**Điều 2.** Quy định cụ thể trách nhiệm của Cục Thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước.....; quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc nộp, báo cáo.....

**Điều 3.** Quy định về thời điểm hiệu lực và trách nhiệm thi hành của các cơ quan, chủ giấy phép và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành Quyết định.

**Nơi nhận:**

- (Tên chủ giấy phép);
- Cơ quan trình;
- Cục thuế tỉnh/thành phố nơi có công trình khai thác tài nguyên nước;
- .....;
- Lưu: VT, VP,... cơ quan trình.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN PHÊ DUYỆT/  
TM. CƠ QUAN PHÊ DUYỆT**  
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)